

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HS-ST

Ngày 25.9.2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Lê L.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Phan Thanh L1.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết V.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân D – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2023/TLST-HS, ngày 17 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Thị H**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 13/6/1970 tại A, B; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông: Lương T1 (chết) và bà: Nguyễn Thị Đ1, SN: 1930; Chồng: Nguyễn Văn S (Chết); Con: 06 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố ngày 05.6.2023 và được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã C, huyện A, tỉnh B cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **Lương Thị N**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 27/9/1973 tại A, B; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Lương T1 (Chết) và bà: Nguyễn Thị Đ1, sinh năm

1930; Chồng: Nguyễn Ngọc Q - đã ly hôn; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố ngày 05.6.2023 và được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú xã C, huyện A, tỉnh B cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

* *Người bị hại*: Bà Võ Thị M – Sinh năm: 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện A, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Võ Thị M và bà Lương Thị H là người ở cùng thôn Đ, C, A, B. Quá trình sinh sống, bà M nói với H về việc có người nói cháu Lương Thành Gia T1 không phải là con chung của H và ông Nguyễn Văn S mà là con của người khác đem về cho ông S nuôi (H và ông S chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn). Do đó, giữa H và bà M phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên lời qua tiếng lại. Sáng ngày 15/3/2023, khi thấy bà M đang ăn sáng ở khu vực chợ Cầu Chùa cùng thôn, bức xúc việc bà M đặt điều nói xấu mình trước đó nên H về nhà lấy 01 cái kéo nhằm mục đích cắt tóc, làm bà M xấu hổ tại khu vực chợ đông người. Trên đường quay lại tìm bà M, Lương Thị H gặp em ruột của mình là Lương Thị N; N cũng biết và bức xúc việc chị H bị bà M nói xấu nên khi H nói giờ đi cắt tóc bà M thì N điều khiển xe mô tô đi theo. Khi đến chợ Cầu Chùa, thấy bà M đang ngồi trong sân nhà bà Diệp Thị P, mặt hướng vào trong nên H chạy đến từ phía sau dùng tay trái nắm tóc, tay phải cầm kéo cắt tóc bà M, vừa cắt tóc vừa nói: Sao nói con đẻ tui không phải của ông S, tao hót tóc để cảnh cáo mày, cho mày biết nhục lần sau đừng nói xúc phạm người khác; bà M dùng tay gỡ tay H ra thì N xông vào dùng tay nắm giữ chặt tay bà M và cùng H kéo ra ngoài đường để cho H tiếp tục cắt tóc bà M. Lúc này có nhiều người dân đi chợ thấy đến can ngăn lấy kéo ra thì H và N tiếp tục dùng tay đánh hai đến ba cái vào mặt bà M rồi bỏ về. Bà Võ Thị M bị thương nhập viện điều trị tại TTYT huyện A từ ngày 15/3/2023 đến ngày 23/3/2023. Ngày 03/5/2023 bà Võ Thị M có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 126/2023/PY-TgT ngày 14/4/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B đối với Võ Thị M, kết luận:

- Chấn thương gây sưng nề vùng đỉnh, đau đầu, không tổn thương sọ, nội sọ, trên phim chụp Xquang sọ đã điều trị. Hiện vùng đỉnh không có dấu vết, điện não đồ biến đổi nhẹ. Tỷ lệ 3%;

- Các vết xước da vùng trước tai trái đã điều trị. Hiện để sẹo sát chân tóc mai vùng trước tai trái. Tỷ lệ 1%;

- Chấn thương gây bầm má phải, trước tai phải đã điều trị. Hiện má phải, trước tai phải không có dấu vết và di chứng. Tỷ lệ 0%;

- Chấn thương gây sưng nề bầm tím mi dưới mắt phải không tổn thương nội nhãn (thể hiện tại phiếu khám mắt) đã điều trị. Hiện để diện rối loạn sắc tố da dưới mắt phải, vận nhãn trong giới hạn bình thường. Tỷ lệ 0,5%;

Các chấn thương mô tả trong Bệnh án điều trị gồm đau cổ, gáy, hai vai lưng (không ghi nhận dấu vết thương tích) đã điều trị. Hiện các vùng trên không có dấu vết và di chứng. Tỷ lệ 0%.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà Võ Thị M hiện tại là 05% (*năm phần trăm*).

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 (một) kéo bằng kim loại, dài 23cm có đầu nhọn, trên thân kéo khắc chữ “NGOC HIỀN”; phần cán kéo rộng nhất 10cm được bọc nhựa màu đen in dòng chữ “ NGOC HIỀN – KÉO NHÍP XE 100%”; Tóc bị cắt của bà Võ Thị M thu lượm tại hiện trường, niêm phong đựng trong bì nilon trong suốt kích thước (28x20)cm. Đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện A bảo quản.

- Dữ liệu camera an ninh tại khu vực Cầu Chùa ghi lại diễn biến vụ án được trích xuất lưu vào đĩa DVD-R 16x hiệu RISHENG, chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Người bị hại bà Võ Thị M kê khai các khoản chi phí và yêu cầu bồi thường tổng số tiền 78.234.000 đồng. Các bên chưa thỏa thuận được việc bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 37/CT-VKSPC, ngày 16/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N về tội: “Làm nhục người khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX tuyên các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N phạm tội “Làm nhục người khác”:

- Áp dụng khoản 1 Điều 155, các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: bị cáo Lương Thị H với mức án từ 12 tháng đến 15

tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Lương Thị N với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường các khoản yêu cầu trong hồ sơ: 78.234.000 đồng đối với tỷ lệ thương tật của người bị hại bà Võ Thị M là 5%, đã điều trị từ ngày 15/3/2023 đến ngày 23/3/2023 nên đề nghị HĐXX xem xét: tiền thuốc và điều trị thương tích là 8.500.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm hại tương đương 03 lần lương tối thiểu và tiền tổn thất về danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm tương đương 03 lần lương tối thiểu.

Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Người bị hại Võ Thị M có yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, trong đó tiền thuốc và viện phí giám định là 8.500.000 đồng, các khoản chi phí khác như tiền bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị, tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm, sức khỏe là 30.000.000 đồng; tổng cộng các khoản chi phí yêu cầu bồi thường là 38.500.000 đồng. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ

khác có trong hồ sơ vụ án như bản ảnh hiện trường vụ án, kết luận giám định pháp y về thương tích người bị hại và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Xuất phát từ việc bà M nói với bà H về việc có người nói cháu Lương Thành Gia T1 không phải là con chung của H và ông Nguyễn Văn S mà là con của người khác đem về cho ông S nuôi nên đã giữa bị cáo H và bà M phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên lời qua tiếng lại; dẫn đến việc bị cáo Lương Thị H đã cùng với bị cáo Lương Thị N (em ruột bà H) tìm gặp bà M, dùng những lời lẽ thô tục nhục mạ, dùng tay đánh vào mặt và cắt tóc bà Võ Thị M trước đám đông nhằm mục đích xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà M, vào sáng ngày 15.3.2023 tại khu vực Chợ Cầu Chùa thôn Đ, xã C, huyện A.

Xét tính chất, mức độ của vụ án: Tuy vụ án có hai người tham gia nhưng thể hiện rõ là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước, các bị cáo đều là người thực hành.

Hành vi của các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xúc phạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của người khác một cách trái pháp luật. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác một cách trái pháp luật.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N về tội: “Làm nhục người khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N phạm tội: “Làm nhục người khác” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự, do đó cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung và các hành vi bạo lực, làm nhục người khác nói riêng, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu

và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội. Mặt khác, xét thấy trong vụ án này cũng xuất phát từ lỗi một phần của bà M, dẫn đến việc 02 bị cáo phạm tội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để quyết định mức hình phạt phù hợp cho các bị cáo.

Đối với hành vi dùng tay chân đánh gây thương tích cho bà M không đủ điều kiện để khởi tố về tội cố ý gây thương tích nên Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại bà Võ Thị M đã yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 38.500.000^d (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với các khoản chi phí có chứng từ và không có chứng từ bao gồm: Tiền điều trị viện phí, giám định là 1.862.528 đồng, tiền thuê xe chở người bị hại đi điều trị là 1.200.000 đồng; tiền tái khám tại Phòng khám O là 660.000 và Tiền bồi dưỡng sức khỏe (bao gồm tiền thuốc) cho người bị hại trong thời gian điều trị tại Bệnh viện và sau khi xuất viện điều trị tại nhà là 4.777.472 đồng. Đây là các chi phí hợp lý, cần thiết cho việc chữa trị vết thương của người bị hại nên được chấp nhận. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 8.500.000 đồng.

Đối với thương tích 05% của người bị hại đã được điều trị, Hội đồng xét xử thấy thương tích ít nghiêm trọng và không ảnh hưởng lớn đến việc sinh hoạt hằng ngày nên căn cứ Điều 592 BLDS năm 2015 chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại: về thiệt hại do danh dự, nhân phẩm của người bị hại bị xâm phạm tương đương với 04 lần tháng lương tối thiểu là: $4 \times 1.800.000 \text{ đồng} = 7.200.000 \text{ đồng}$; thiệt hại về tinh thần do sức khỏe bị xâm hại tương đương với 03 lần tháng lương tối thiểu là: $3 \times 1.800.000 \text{ đồng} = 5.400.000 \text{ đồng}$. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 12.600.000 đồng

Tổng cộng các khoản chi phí không có chứng từ của người bị hại được Tòa chấp nhận 21.100.000 đồng, buộc các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại Võ Thị M, mỗi bị cáo phải chịu 10.550.000 đồng.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét các vật chứng gồm:

- 01 (một) túi nilon trong suốt có kích thước (28x20)cm đựng 01 cây kéo bằng kim loại bên trong, miệng túi dán giấy trắng có đóng 04 hình dấu của “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A” là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 (một) túi nilon trong suốt có kích thước (28x20)cm đựng tóc bên trong, miệng túi dán giấy trắng có đóng 04 hình dấu của “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A”; là vật chứng của vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 155; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36, Điều 47, Điều 48, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106, các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 584, 587, 589, 590, và 592 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N phạm tội: “*Làm nhục người khác*”.

1.1. Xử phạt bị cáo Lương Thị H **12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ**. Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

1.2. Xử phạt bị cáo Lương Thị N **09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ**. Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N cho UBND xã C, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với 02 bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại Võ Thị M tổng số tiền 21.100.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Võ Thị M số tiền 10.550.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi nilon trong suốt có kích thước (28x20)cm đựng tóc bên trong, miệng túi dán giấy trắng có đóng 04 hình dấu của “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A”; 01 (một) túi nilon trong suốt có kích thước (28x20)cm đựng 01 cây kéo bằng kim loại bên trong, miệng túi dán giấy trắng có đóng 04 hình dấu của “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A” đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lương Thị H và Lương Thị N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 527.500đ (*Năm trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- Phòng hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS H.A;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê L